

Bản án số: **09/2018/HS-ST**
Ngày 22 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Chí Tâm – Hiệu trưởng trường THCS Mỹ Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Lạc - Phó Bí thư Thị đoàn thị xã Ngã Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ, Kiểm Sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 06/4/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1996, tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tên gọi khác: không có. Nơi cư trú: Ấp 19, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1974; có chồng tên Nguyễn Hoàng T và 01 con; tiền án, tiền sự: không có; Bị khởi tố ngày 05/12/2017 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/12/2017 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 06/8/2000 (Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn Nh. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị K. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân Tr, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Hoàng T. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng

1/ Bà Trần Thị B. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà Dương Thị L. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân B, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Chị Nguyễn Hồng L. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ninh H, xã Ninh Qu, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Em Trịnh Lâm Trung H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 17/9/2017, chị Nguyễn Thị Mỹ D đến Bệnh viện đa khoa thị xã N để thăm bệnh người bạn đang điều trị tại phòng số 6 tên Nguyễn Hồng L. Lúc này, trong phòng còn có 02 người bệnh là bà Dương Thị L và bà Trần Thị B nằm giường kế bên. Sau đó chị D và chị L đi ra ngoài nói chuyện thì bị cáo L vào phòng thấy túi xách của chị D để trên giường nên bị cáo mở dây kéo ra lấy chiếc điện thoại hiệu samsung J5 màu trắng (Có ốp lưng bằng nhựa màu trắng bên trong có tờ giấy polyme mệnh giá 100.000đ). Đến khi chị D vào phòng phát hiện túi xách bị mở dây kéo chưa khóa lại thì kiểm tra phát hiện mất chiếc điện thoại nên trình báo cơ quan công an. Sau khi lấy điện thoại thì bị cáo L tắt nguồn và có nói với chồng bị cáo là anh Nguyễn Hoàng T lượm được chiếc điện thoại, cùng lúc đó anh T nghe những người trong bệnh viện truy hô mất điện thoại và Công an phường M, thị xã N có đến xác minh thì anh T đi tìm chị L và hỏi có lấy điện thoại của người ta không thì chị L nói không có và cùng với anh T đem chiếc điện thoại đi gửi sạc tại tiệm của anh Trịnh Lâm Trung H. Khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N mời chị L lên làm việc thì chị L đã khai nhận hành vi lấy trộm điện thoại như đã nêu trên.

Theo bản kết luận định giá về tài sản số: 35/KL-HĐĐG, ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã N kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 giá 3.990.000 đồng x (100%-20%) = 3.192.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-KSĐT ngày 02 tháng 03 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm: đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Thị L đã lợi dụng việc bị hại lơ là thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản nên đã có hành vi lén lút thực hiện việc trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, có giá trị là 3.192.000 đồng nhằm mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản và Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đặt ra xem xét.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên Tòa hôm nay, vắng mặt người bị hại Nguyễn Thị Mỹ D, đại diện hợp pháp người bị hại ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị K và những người làm chứng bà Trần Thị B, bà Dương Thị L, chị Nguyễn Hồng L, Trịnh Lâm Trung H. Xét thấy, việc vắng mặt người bị hại, đại diện hợp pháp người bị hại và những người làm chứng không gây cản trở cho việc xét xử, đồng thời cơ quan điều tra cũng đã tiến hành lấy lời khai của họ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 của chị Nguyễn Thị Mỹ D vào ngày 17/9/2017. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Theo kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐG, ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã N kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 bị cáo L đã lén lút lấy trộm của bị hại giá trị còn lại là 3.192.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng). Xét thấy, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo L là người có đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện, hành vi của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của người bị hại mà lén lút lấy trộm tài

sản. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giao nộp lại tài sản bị trộm cắp để hoàn trả cho chủ sở hữu nên gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị Quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về áp dụng án treo, tuyên phạt bị cáo tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng cải tạo, phạm tội ít nghiêm trọng và mức án của bị cáo chỉ chịu dưới 3 năm, bị cáo hiện đang mang thai khoảng 05 tháng và phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 và một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về áp dụng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, không ai khiếu nại gì nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại

Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015; đã chứng minh đầy đủ các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 của BLTTHS; tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 65 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về áp dụng án treo;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính kể từ ngày tuyên án 22/5/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã trả lại cho chủ sở hữu, không ai khiếu nại gì nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

6/ Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm Phán-Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Chí Tâm Nguyễn Văn Lạc

Trương Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị Xã Ngã Năm;
- CAND thị Xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV,THA- TAT;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn

Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

